

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03/7/2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Tứ.

Bà Ngô Thị Bích Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Duy T, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; có mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Phước M, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2020 và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Duy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Phước M tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2009. Cuộc sống chung giữa chị và anh M không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Trong thời gian chung sống anh M không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, anh thường xuyên cờ bạc và sử dụng ma túy, phạm tội bị phạt tù giam. Sau khi cải tạo về anh vẫn không thay đổi. Từ tháng

9/2019 chị ra Đà Nẵng làm ăn nên chị và anh M đã không còn sống chung với nhau nữa dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị và anh M có hai con chung là cháu Phạm Gia N, sinh ngày 13/7/2009 và cháu Phạm Gia H, sinh ngày 21/10/2011. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản, nợ chung khi ly hôn: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Phạm Phước M có tình lẫn trách, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị Duy T được ly hôn anh Phạm Phước M. Giao hai con chung là cháu Phạm Gia N, sinh ngày 13/7/2009 và cháu Phạm Gia H, sinh ngày 21/10/2011 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh M vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Duy T và anh Phạm Phước M kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2009. Việc kết hôn giữa chị T và anh M là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua các lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Cuộc sống chung giữa chị T và anh M phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Trong thời gian chung sống anh M không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, anh thường xuyên cờ bạc và sử dụng ma túy, phạm tội bị phạt tù giam. Sau khi cải tạo về anh vẫn không thay đổi. Từ tháng 9/2019 chị T ra Đà Nẵng làm ăn, chị và anh M đã không còn sống chung với nhau nữa dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay chị

cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án thông báo phiên hòa giải, thông báo thời gian mở phiên tòa nhưng anh M cố tình tình lẩn tránh không đến làm việc. Bà Ngô Thị Xí (mẹ anh M) cũng thừa nhận anh M có khuyết điểm là cờ bạc, nghiện ma túy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh M.

Xét thấy, hiện nay chị T, anh M không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh M có hai người con chung là cháu Phạm Gia N, sinh ngày 13/7/2009 và cháu Phạm Gia H, sinh ngày 21/10/2011. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng nuôi hai con chung của chị T là hoàn toàn chính đáng. Hiện nay Cháu N và Cháu H đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị T đồng thời hai cháu từ trước đến nay vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hai cháu đã quen môi trường sinh hoạt, học tập. Vì vậy, việc giao hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T cho rằng mình đủ điều kiện nuôi con và không có yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Duy T đối với anh Phạm Phước M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Duy T ly hôn đối với anh Phạm Phước M.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia N, sinh ngày 13/7/2009 và cháu Phạm Gia H, sinh ngày 21/10/2011 cho chị Nguyễn Thị Duy T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) Anh Phạm Phước M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Duy T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0004564 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Duy T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Phạm Phước M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Minh Hùng

